TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST Ngày: 09-4-2021 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Kiên;

2. Ông Đinh Quang Minh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 526/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Cẩm A, sinh năm 1996; HKTT: Tổ 3, khu phố X, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1987; HKTT: Ấp M, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm A có ý kiến*:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị Cẩm A và ông Nguyễn Văn B chung sống với nhau từ năm 2016. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 13/6/2016 tại Ủy ban nhân phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi cự lẫn nhau, giữa vợ chồng sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Hiện nay, bà A thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông B.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống bà A và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc N, sinh ngày 25/5/2018 và Nguyễn Cẩm K, sinh ngày 12/12/2019. Khi ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Cẩm K và giao con chung tên Nguyễn Trần Ngọc N cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/01/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là ông Nguyễn Văn B có ý kiến:

Về quan hệ hôn nhân và con chung: Ông B thống nhất với ý kiến của bà Trần Thị Cẩm A về quan hệ hôn nhân và con chung. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 13/6/2016 tại Ủy ban nhân phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương.

Quá trình chung sống ông B xác định giữa vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà A.

Quá trình chung sống ông B và bà A có 02 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc N, sinh ngày 25/5/2018 và Nguyễn Cẩm K, sinh ngày 12/12/2019. Khi ly hôn, ông Toàn đồng ý nuôi con chung là cháu Nguyễn Trần Ngọc N và giao con chung Nguyễn Cẩm K cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên ông B không đến Tòa án làm việc được, ông B đã nộp đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, trước khi mở phiên tòa bị đơn đã có đơn xin giải quyết vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét gồm:

Đơn xin ly hôn ngày 16/10/2020; bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; bản sao giấy khai sinh Nguyễn Trần Ngọc N và Nguyễn Cẩm K; giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; bản tự khai; Đơn xin giải quyết vắng mặt của bà Trần Thị Cẩm A; bản tự khai của ông Nguyễn Văn B; đơn xin giải quyết vắng mặt của ông B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi xem xét, thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Cẩm K, sinh ngày 12/12/2019 và giao con chung tên Nguyễn Trần Ngọc N, sinh ngày 25/5/2018 cho ông bị đơn nuôi dưỡng, bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn là Nguyễn Văn B có nơi cư trú tại xã H, huyện D nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con".

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau từ năm 2016. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương, theo giấy đăng ký kết hôn số 71 ngày 13/6/2016. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Nguyên đơn xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không hàn gắn được. Nguyên đơn cũng không còn chung sống cùng bị đơn nên yêu cầu được giải quyết ly hôn. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác…và lý do chính đáng khác. Nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận với nhau về việc mỗi người sống một nơi, nhưng cả hai đã không sống chung một thời gian dài. Quá trình làm việc, nguyên đơn và bị đơn xác

định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm. Thực tế, nguyên đơn và bị đơn đã không còn chung sống từ lâu, đây là những tình tiết, sự kiện không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn giữa nguyên đơn, bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc N, sinh ngày 25/5/2018 và Nguyễn Cẩm K, sinh ngày 12/12/2019. Khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Cẩm K; giao con chung tên Nguyễn Trần Ngọc N cho ông B nuôi dưỡng, bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của nguyên đơn được bị đơn đồng ý. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Đối với ý kiến của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân; các Điều 9, 19, 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của bà Trần Thị Cẩm A đối với ông Nguyễn Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Cẩm A được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Cẩm A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Cẩm K, sinh ngày 12/12/2019. Ông Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần Ngọc N, sinh ngày 25/5/2018. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Cẩm A về việc không yêu cầu ông Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom

con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Cẩm A không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Trần Thị Cẩm A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045221 ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND phường T, tx. U, t. Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Anh Tuấn